

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG BẮC THANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG BẮC THANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAC THANH CONSTRUCTION AND CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BAC THANH CO.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109989335

**3. Ngày thành lập:** 09/05/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 10 ngách 8/11/36/139/9 Lê Quang Đạo, tổ dân phố số 5, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0358021345

Fax:

Email: [nguyenvantu.tedi@gmail.com](mailto:nguyenvantu.tedi@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4390     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành xây dựng, giao thông vận tải                                                                                                                                                                  | 4659     |
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn quặng kim loại<br>- Bán buôn sắt, thép<br>- Bán buôn kim loại khác                                                                                                                                                                                                                    | 4662     |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, véc ni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                   | 8299        |
| 9.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7020        |
| 10. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động kiến trúc<br>- Hoạt động đo đạc và bản đồ<br>- Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước<br>- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác                                                                                                                                                | 7110(Chính) |
| 11. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7120        |
| 12. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7410        |
| 13. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2511        |
| 14. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2592        |
| 15. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4933        |
| 16. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3700        |
| 17. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4101        |
| 18. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4102        |
| 19. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4211        |
| 20. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4212        |
| 21. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4221        |
| 22. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4222        |
| 23. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4223        |
| 24. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4229        |
| 25. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4292        |
| 26. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4293        |
| 27. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4299        |
| 28. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4311        |
| 29. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4312        |
| 30. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở và dân dụng như: Dây dẫn và thiết bị điện, đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học, hệ thống chiếu sáng, chuông báo cháy, hệ thống báo động chống trộm, tín hiệu điện và đèn trên đường phố, đèn trên đường băng sân bay. | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 150.000

Thời gian đăng từ ngày 09/05/2022 đến ngày 08/06/2022

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức    | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM TRỌNG QUỲNH | Đội 2, Thôn Đông Lỗ, Xã Đông Lỗ, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 45.000     | 450.000.000           | 30,000    | 121767696                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                           | Tổng số                   | 45.000     | 450.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                           |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN HỮU THỌ   | Tổ 34, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông         | 45.000     | 450.000.000           | 30,000    | 0380850396<br>41                                                                            |         |
|     |                  |                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                           | Tổng số                   | 45.000     | 450.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                           |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |               |                                                                                       |                           |        |             |        |              |
|---|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN VĂN TỰ | 905 CC CT1 Xuân Lộc 4, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 60.000 | 600.000.000 | 40,000 | 038084025950 |
|   |               |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                       | Tổng số                   | 60.000 | 600.000.000 | 40,000 |              |
|   |               |                                                                                       |                           |        |             |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TỰ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/02/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038084025950

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 905 CC CT1 Xuân Lộc 4, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 905 CC CT1 Xuân Lộc 4, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội